

BÁO CÁO

Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

1. Tình hình vi phạm hành chính

Về tình hình vi phạm hành chính: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong 6 tháng đầu năm 2019, tình hình vi phạm pháp luật hành chính vẫn tiếp tục diễn ra ở mọi địa bàn, lĩnh vực của đời sống xã hội với các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ đa dạng, từ đơn giản đến phức tạp.

Về áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính: Nhìn chung, các lực lượng chức năng có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong tỉnh nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi tác nghiệp, góp phần đảm bảo trật tự quản lý nhà nước đồng thời hạn chế thấp nhất vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình xử lý vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức nhận thức chưa thống nhất trong áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa thường xuyên, kịp thời chỉ đạo các lực lượng chức năng chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

Theo số liệu tổng hợp về kết quả xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2019 (tại Phụ lục 01, mẫu 1 kèm theo báo cáo này), so với cùng kỳ năm 2018, tổng số vụ vi phạm, tổng số đối tượng bị xử phạt, số tiền phạt thu được, tổng số tiền bán thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu trong các vụ vi phạm hành chính đều giảm đáng kể. Tuy nhiên, số vụ có dấu hiệu tội phạm chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự lại tăng (cùng kỳ năm 2018 là 29 vụ, 6 tháng đầu năm 2019 là 135 vụ). Điều này cho thấy vi phạm hành chính có chiều hướng giảm nhưng tính chất của vi phạm pháp luật trong xã hội lại diễn biến phức tạp, đồng thời cũng thể hiện sự kiên quyết của các lực lượng chức năng trong đấu tranh với vi phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

- Tổng số vụ vi phạm là 5278, chỉ bằng 18% của 6 tháng đầu năm 2018.

- Tổng số đối tượng bị xử phạt 5361, chỉ bằng 19% của 6 tháng đầu năm 2018.

- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành là: 5257 quyết định, chỉ bằng 18,66% của 6 tháng đầu năm 2018. Tuy nhiên, số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã thi hành (4930) đạt tỉ lệ cao là 94,31%.

- Tổng số tiền phạt thu được là: 15.820.605.000 đồng, chỉ bằng 44% của 6 tháng đầu năm 2018.

- Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: 16.540.000 đồng, chỉ bằng 1,52% của 6 tháng đầu năm 2018.

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

So với cùng kỳ năm 2018, số vụ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (tại Phụ lục 1, mẫu 2 kèm theo báo cáo này) có sự biến động, cụ thể:

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính:

+ Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là: 213 đối tượng, giảm 17,77% so cùng kỳ năm 2018.

+ Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là: 159 đối tượng, tăng 43,24% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc: 01 đối tượng.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

+ Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là: 187 đối tượng, giảm 24,6% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là: 152 đối tượng, tăng 60% so với cùng kỳ năm 2018.

- Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình: 11 đối tượng (tăng so với cùng kỳ năm 2018 là 08 đối tượng).

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, xin gửi Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý XLVPHC&TDTHPL
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH(Kèm theo Báo cáo số: 131/BC-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình		Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính				
								Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	211	2	184	3	7	0					
2	Đưa vào trường giáo dưỡng	0	0	0	0	0	0					
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	1	0	0	0	0	0					
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	158	1	152	0	4	0					

Phụ lục 1- Mẫu 1. **BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số: **131** /BC-UBND ngày **29** tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính					
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	Tổ chức	Cá nhân				Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)		Số quyết định đã thi hành	Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu
						Nam		Nữ									
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	UBND tỉnh Thanh Hóa	28.00	-	-	11	-	17	-	-	-	28	28	-	-	-	1,710,800,000	
2	Sở Lao động, TB và XH	13	-	-	3	-	4	-	6	-	13	13	-	1	-	203,000,000	-
3	Sở Công Thương	1	-	-	1	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	10,000,000	-

4	Sở Tài nguyên và Môi trường	29	-	-	29	-	-	-	-	-	30	19	-	-	-	659,500,000	-
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	270	3	-	25	-	245	-	-	-	270	270	-	-	-	2,303,329,000	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	42,000,000	
7	Sở Y tế	71	-	-	48	-	13	-	11	-	72	71	-	-	-	614,750,000	-
8	Sở Văn Hóa, TT và DL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	-	-	7	-	-	-	-	-	7	4	-	-	-	40,000,000	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	6	-	-	5	-	1	-	-	-	6	6	-	-	-	27,000,000	-
11	Sở Tư pháp	9	-	-	4	-	5	-	-	-	9	9	-	-	-	50,000,000	-
12	Sở Xây dựng	2	-	-	2	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	20,000,000	
13	Sở Giao thông Vận tải	361	-	-	79	-	361	-	-	-	361	361	-	-	-	3,768,150,000	-
14	UBND TP Thanh Hóa	54	-	-	14	-	17	-	1	22	54	29	-	-	-	537,800,000	-
15	UBND xã Quảng Đông	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,000,000	-
16	UBND phường Quảng Hưng	20	-	-	-	-	7	-	13	-	20	20	-	-	-	4,650,000	-
17	UBND phường Ngọc Trạo	276	-	-	-	-	33	-	243	-	276	276	-	-	-	30,700,000	-
18	UBND phường Trường Thi	110	-	-	-	-	33	-	77	-	110	110	-	-	-	16,200,000	-
19	UBND phường Lam Sơn	301	-	-	-	21	80	-	200	-	301	301	-	-	-	36,650,000	-
20	UBND phường Ba Đình	153	-	-	-	-	23	-	130	-	153	153	-	-	-	13,050,000	-
21	UBND phường Phú Sơn	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	-	-
22	UBND xã Hoằng Lý	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	4,000,000	-
23	UBND phường Nam Ngạn	157	-	-	-	-	52	-	105	-	157	157	-	-	-	19,550,000	-
24	UBND phường Đông Hải	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,500,000	-
25	UBND phường Đông Sơn	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	13,000,000	-

26	UBND xã Thiệu Dương	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	-	-
27	UBND Phường Tào Xuyên	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
28	UBND phường Hàm Rồng	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	8,500,000	-
29	UBND phường Đông Thọ	113	-	-	-	-	12	-	101	-	113	113	-	-	-	21,350,000	-
30	UBND xã Hoằng Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	4,000,000	-
31	UBND xã Hoằng Đại	1	-	-	-	0	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
32	UBND xã Thiệu Văn	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	600,000	-
33	UBND phường Đông Vệ	64	-	-	-	-	28	-	36	-	64	64	-	-	-	37,150,000	-
34	UBND xã Quảng Thịnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14,000,000	-
35	UBND phường Quảng Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
36	UBND xã Đông Tân	4	-	-	-	-	2	-	2	-	4	4	-	-	-	2,500,000	-
37	UBND Phường Đông Cương	11	-	-	-	-	7	-	4	-	11	11	-	-	-	19,350,000	-
38	UBND xã Thiệu Khánh	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,500,000	-
39	UBND phường Điện Biên	294	-	-	-	-	21	-	273	-	294	294	-	-	-	38,750,000	-
40	UBND phường Quảng Thành	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	3,000,000	-
41	UBND phường Tân Sơn	137	-	-	-	-	87	-	50	-	137	137	-	-	-	17,500,000	-
42	UBND xã Hoằng Long	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	-
43	UBND phường An Hoạch	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	16,000,000	-
44	UBND xã Quảng Tâm	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	350,000	-
45	UBND xã Quảng Trường	9	-	-	-	-	9	-	-	-	9	9	-	-	-	9,000,000	-
46	UBND xã Quảng Hải	4	1	-	-	-	5	-	-	-	4	4	-	-	-	1,200,000	-
47	UBND xã Quảng Chính	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	750,000	-

48	UBND xã Quảng Định	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	-
49	UBND xã Quảng Trung	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,300,000	-
50	UBND xã Quảng Văn	3	-	-	-	-	2	-	1	-	3	3	-	-	-	4,000,000	-
51	UBND xã Quảng Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,500,000	-
52	UBND xã Quảng Giao	1	-	1	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	UBND xã Quảng Thái	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	700,000	-
54	UBND xã Quảng Thạch	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	2,750,000	-
55	UBND xã Quảng Phúc	16	-	-	-	-	16	-	-	-	16	16	-	-	-	14,900,000	-
56	UBND xã Quảng Yên	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	600,000	-
57	UBND xã Quảng Trạch	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,800,000	-
58	UBND huyện Ngọc Lặc	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	15,000,000	190,000
59	UBND Xã Thành Lập	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,000,000	
60	UBND Xã Ngọc Trung	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	2,100,000	
61	UBND Xã Quang Trung	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	
62	UBND Xã Lộc Thịnh	4	-	-	2	-	2	-	-	-	4	4	-	-	-	7,500,000	
63	UBND Xã Vân Am	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	
64	UBND Xã Phùng Minh	1	-	-	1	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	
65	UBND Xã Thủy Sơn	2	-	-	-	-	1	-	1	-	2	2	-	-	-	2,000,000	
66	UBND Thị trấn Ngọc Lặc	23	-	-	-	-	16	-	7	-	23	23	-	-	-	11,000,000	
67	UBND Xã Ngọc Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	
68	UBND Xã Minh Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	
69	UBND Xã Lam Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	4,000,000	

70	UBND xã Cao Thịnh	6	-	-	3	-	3	-	-	-	6	6	-	-	-	7,700,000	
71	UBND xã Thạch Cẩm	1	-	-	-	-	2	-	-	-	1	1	-	-	-	5,000,000	-
72	UBND xã Thạch Định	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	600,000	
73	UBND xã Thành Tân	23	-	-	-	-	13	-	10	-	23	23	-	-	-	7,600,000	-
74	UBND xã Thành Vinh	39	1	-	-	3	-	-	36	-	75	39	-	-	-	7,800,000	-
75	UBND thị trấn Vân Du	8	-	-	-	-	6	-	2	-	8	8	-	-	-	1,600,000	-
76	UBND xã Thành Tâm	24	-	-	-	1	6	-	19	-	25	25	-	-	-	9,400,000	-
77	UBND xã Thạch Tượng	8	1	-	-	-	5	-	3	-	9	9	-	-	-	4,050,000	-
78	UBND xã Thành Tiến	15	-	-	-	-	12	-	3	-	15	15	-	-	-	3,000,000	-
79	UBND xã Thành Công	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
80	UBND xã Thạch Lâm	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-
81	UBND xã Thạch Tân	9	-	-	-	-	4	-	3	2	9	9	-	-	-	3,200,000	-
82	UBND xã Ngọc Trạo	48	-	-	-	-	48	-	-	-	48	48	-	-	-	9,600,000	-
83	UBND xã Thành Kim	23	-	-	-	1	11	-	11	-	23	23	-	-	-	3,600,000	-
84	UBND TT Kim Tân	7	-	-	-	-	3	-	4	-	7	7	-	-	-	1,800,000	-
85	UBND xã Thành Trục	22	-	-	-	-	17	-	5	-	22	22	-	-	-	4,400,000	-
86	UBND xã Thành Yên	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,750,000	-
87	UBND xã Thành Long	15	-	-	-	-	12	-	3	-	15	15	-	-	-	9,100,000	-
88	UBND xã Thành Hưng	23	-	-	-	1	11	-	11	-	23	18	5	-	-	3,600,000	-
89	UBND xã Thạch Sơn	53	-	-	-	-	35	-	18	-	53	53	-	-	-	13,800,000	-
90	UBND xã Thạch Đồng	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	3,300,000	-
91	UBND xã Thành Minh	53	-	3	-	-	50	-	-	-	50	50	-	-	-	13,400,000	-

92	UBND xã Thành An	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	2,600,000	-
93	UBND xã Thạch Quảng	1	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
94	UBND huyện Thạch Thành	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	91,750,000	-
95	UBND huyện Đông Sơn	1	-	-							1	1	-	-	-	10,000,000	-
96	UBND xã Xuân Trường	12	-	-	-	-	15	-	-	-	12	12	-	-	-	11,000,000	-
97	UBND xã Hạnh Phúc	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1,500,000	-
98	UBND xã Xuân Thắng	-	-	-	-	-	1	-	-	-	3	3	-	-	-	3,000,000	-
99	UBND TT Sao Vàng	6	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
100	UBND xã Xuân Thành	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	400,000	-
101	UBND xã Nam Giang	40	-	-	-	-	40	-	-	-		40	-	-	-	39,200,000	-
102	UBND xã Xuân Yên	2	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-	-	4,500,000	-
103	UBND xã Xuân Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31	31	-	-	-	34,000,000	-
104	UBND xã Thọ Xương	1	-	-	-	-		-	-	-	1		-	-	-	1,500,000	-
105	UBND xã Xuân Bái	2	-	-	-	-	1	-	-	-	5	5	-	-	-	5,200,000	-
106	UBND xã Bắc Lương	11	-	-	-	-	11	-	-	-	11	10	-	-	-	1,320,000	-
107	UBND TT Thọ Xuân	7	-	-	-	-	4	-	-	-	5	5	-	-	-	3,700,000	-
108	UBND xã Tây Hồ	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	600,000	-
109	UBND TT Lam Sơn	9	-	-	-	-	-	-	-	-	9		-	-	-	3,000,000	-
110	UBND xã Xuân Tín	6	-	-	-	-	7	-	-	-	7	7	-	-	-	5,700,000	-
111	UBND xã Thọ Nguyên	2	-	-	-	-	1	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	-
112	UBND xã Thọ Lộc	11	-	-	-	-	11	-	-	-	11	11	-	-	-	9,200,000	-
113	UBND xã Xuân tân	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-

114	UBND xã Thọ Diên	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,000,000	-
115	UBND xã Thọ Minh	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	2,500,000	-
116	UBND xã Xuân Giang	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	300,000	-
117	UBND xã Xuân Minh	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	750,000	-
118	UBND xã Xuân Lai	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	6,700,000	-
119	UBND xã Thọ Hải	27	-	-	-	-	27	-	-	-	27	27	-	-	-	20,000,000	-
120	UBND xã Thọ Lập	1	-	-	-	-	6	-	-	-	1	1	-	-	-	13,000,000	-
121	UBND xã Xuân Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
122	UBND xã Xuân Thiên	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	1,000,000	-
123	UBND xã Xuân Quang	1	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	7,500,000	-
124	UBND xã Xuân Tân	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
125	UBND xã Xuân Vinh	9	-	-	-	-	-	-	-	-	4	9	-	-	-	1,800,000	-
126	UBND xã Xuân Phong	7	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	12,500,000	-
127	UBND xã Thọ Thắng	1	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	400,000	-
128	UBND xã Xuân Lam	3	-	-	-	1	2	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-
129	UBND xã Xuân Lập	7	-	-	-	3	10	-	-	-	7	7	-	-	-	1,100,000	-
130	UBND xã Xuân Châu	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	1,000,000	-
131	UBND xã Hà Long	12	5	-	-	-	51	-	2	-	12	12	-	-	-	8,300,000	-
132	UBND xã Hà Phú	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
133	UBND xã Hà Thái	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	500,000	-
134	UBND xã Hà Lai	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	-	-
135	UBND xã Hà Lâm	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	12,650,000	-

136	UBND xã Hà Giang	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
137	UBND xã Hà Ninh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	-
138	UBND xã Hà Hải	8	-	-	-	-	7	-	1	-	8	7	-	-	-	10,900,000	-
139	UBND xã Hà Yên	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,200,000	-
140	UBND xã Hà Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	-
141	UBND xã Hà Châu	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,200,000	-
142	UBND xã Hà Bắc	8	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	21,700,000	-
143	UBND xã Hà Thanh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	-
144	UBND xã Hà Vinh	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
145	UBND xã Hà Toại	16	-	-	-	-	16	-	-	-	16	16	-	-	-	16,500,000	-
146	UBND xã Hà Ngọc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
147	UBND xã Hà Đông	11	-	-	-	-	11	-	-	-	11	11	-	-	-	9,500,000	-
148	UBND xã Hà Tân	11	-	-	-	-	11	-	-	-	11	11	-	-	-	21,000,000	-
149	UBND xã Hà Bình	3	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	3,000,000	-
150	UBND huyện Quan Hóa	5	-	-	2	-	-	-	3	-	2	2	-	-	-	69,000,000	-
151	UBND xã Xuân Phú	5	-	-	-	-	4	-	-	1	5	5	-	-	-	9,800,000	-
152	UBND xã Nam Tiến	3	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	-	-	-	2,900,000	-
153	UBND Nam Động	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	-	-	-	-	-	6,500,000
154	UBND xã Hiền Chung	3	-	-	-	-	6	-	-	3	3	-	-	-	-	2,000,000	-
155	UBND xã Hiền Kiệt	1	-	-	-	-	-	-	6	-	6	6	-	-	-	3,000,000	-
156	UBND xã Hồi Xuân	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
157	UBND xã Phú Lệ	4	-	-	-	-	6	-	-	-	6	6	-	-	-	3,300,000	-

158	UBND xã Trung Thành	3	-	-	-	1	2	-	-	-	3	3	-	-	-	5,075,000	-
159	UBND xã Thành Sơn	6	-	-	-	-	12	-	-	-	10	10	-	-	-	11,000,000	5,000,000
160	UBND xã Trung Sơn	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	1,200,000	-
161	UBND huyện Thường Xuân	1	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	15,000,000	
162	UBND Thị Trấn Thường Xuân	2	-	3	-	-	2	-	1	-	3	3	-	-	-	2,200,000	-
163	UBND xã Xuân Dương	1	-	-	-		1	-		-	1	1	-	-	-	300,000	-
164	UBND xã Thọ Thanh	1	1	1	-	-	5	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
165	UBND xã Ngọc Phụng	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
166	UBND xã Lương Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
167	UBND xã Yên Nhân	9	-	-	-	-	9	-	-	9	9	9	-	-	-	16,700,000	-
168	UBND xã Bát Mọt	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	350,000	-
169	UBND xã Xuân Cẩm	1	-	-	-	-	1	-	-	1	1	1	-	-	-	1,000,000	-
170	UBND xã Vạn Xuân	6	-	-	-	-	11	-	-	11	11	11	-	-	-	9,700,000	-
171	UBND xã Xuân Chinh	6	-	-	-	-	7	-	-	7	7	7	-	-	-	13,350,000	4,850,000
172	UBND xã Xuân Lẻ	5	-	-	-	-	4	-	1	-	5	5	5	-	-	9,500,000	
173	UBND xã Xuân Thắng	4	-	-	-	-	3	-	1	-	4	4	-	-	-	9,200,000	-
174	UBND xã Xuân Lộc	4	-	-	-	1	5	-	-	-	2	1	2	-	-	1,500,000	-
175	UBND xã Xuân Cao	1	-	-	-	-	1	-	-	1	1	1	-	-	-	1,500,000	-
176	UBND xã Tân Thành	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-
177	UBND xã Luận Thành	-	5	3	-	2	4	-	-	-	5	5	-	-	-	14,000,000	-
178	UBND xã Luận Khê	1	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-	-	1,500,000	-
179	UBND xã Giao Thiện	3	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	1,300,000	-

180	UBND xã Tam Văn	8	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	3,000,000	-
181	UBND xã Quang Hiến	7	-	-	-	-	11	-	-	-	11	11	-	-	-	4,500,000	-
182	UBND Giáo An	9	-	-	-	-	18	-	-	-	18	18	-	-	-	6,000,000	-
183	UBND xã Trí Nang	11	-	-	-	-	9	-	9	-	9	9	-	-	-	2,700,000	-
184	UBND Yên Thắng	5	-	-	-	-	8	-	8	-	8	8	-	-	-	3,000,000	-
185	UBND Yên Khương	2	-	-	-	-	2	-	2	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
186	UBND xã Đồng Lương	2	-	-	-	-	2	-	2	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
187	UBND xã Lâm Phú	1	-	-	-	-	2	-	2	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
188	UBND xã Tân Phúc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
189	UBND Thị Trấn Lang Chánh	1	-	-	-	-	1	-	1	-	1	1	-	-	-	500,000	-
190	UBND huyện Tĩnh Gia	101	-	-	20	-	64	-	17	-	101	101	-	-	-	1,632,400,000	
191	UBND xã Phú Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	
192	UBND xã Hải Thanh	6	-	-	-	-	5	-	1	-	6	4	-	-	-	9,000,000	
193	UBND xã Bình Minh	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,000,000	
194	UBND xã Tùng Lâm	8	-	-	-	-	6	-	2	-	8	3	-	-	-	7,000,000	
195	UBND xã Ngọc Lĩnh	12	-	-	-	-	11	-	1	-	12	8	-	-	-	6,500,000	
196	UBND xã Hải Nhân	9	-	-	-	-	9	-	-	-	9	9	-	-	-	3,600,000	
197	UBND xã Anh Sơn	8	-	-	-	-	7	-	1	-	8	8	-	-	-	5,500,000	
198	UBND xã Hải Châu	12	-	-	-	-	9	-	3	-	12	12	-	-	-	8,000,000	
199	UBND xã Hùng Sơn	8	-	-	-	-	5	-	3	-	8	8	-	-	-	3,500,000	
200	UBND xã Phú Lâm	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	3,000,000	
201	UBND xã Hải Yến	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	

202	UBND xã Hải An	4	-	-	-	-	3	-	1	-	4	4	-	-	-	9,000,000	
203	UBND xã Xuân Lâm	11	-	-	-	-	8	-	3	-	8	8	-	-	-	20,500,000	
204	UBND xã Ninh Hải	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	7,500,000	
205	UBND xã Hải Ninh	6	-	-	-	-	6	-	-	-	6	6	-	-	-	10,500,000	
206	UBND xã Hải Bình	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,200,000	
207	UBND xã Các Sơn	7	-	-	-	-	4	-	3	-	7	5	-	-	-	12,600,000	
208	UBND xã Tĩnh Hải	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,500,000	
209	UBND xã Định Hải	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	6,200,000	
210	UBND xã Thanh Thủy	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	
211	UBND xã Thanh Sơn	13	-	-	-	-	8	-	5	-	13	12	-	-	-	14,350,000	
212	UBND xã Triều Dương	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	1	-	-	-	1,500,000	
213	UBND xã Tân Dân	16	-	-	-	-	7	-	9	-	16	12	-	-	-	13,350,000	
214	UBND xã Hải Lĩnh	4	-	-	-	-	2	-	2	-	4	4	-	-	-	11,000,000	
215	UBND xã Hải Hòa	18	-	-	-	-	12	-	6	-	18	11	-	-	-	12,000,000	
216	UBND thị trấn Tĩnh Gia	22	-	-	-	-	9	-	13	-	22	22	-	-	-	29,200,000	
217	UBND xã Nguyên Bình	2	-	-	-	-	1	-	1	-	2	2	-	-	-	2,500,000	
218	UBND xã Trúc Lâm	4	-	-	-	-	3	-	1	-	4	4	-	-	-	5,500,000	
219	UBND xã Tân Trường	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,500,000	
220	UBND xã Mai Lâm	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-	-	
221	UBND xã Hải Thượng	4	-	-	-	-	3	-	1	-	4	3	-	-	-	5,500,000	
222	UBND xã Hải Hà	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	500,000	
223	UBND xã Trường Lâm	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	1,500,000	

224	UBND xã Nghi Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	
225	UBND huyện Cẩm Thủy	6					6				6					17,000,000	
226	UBND xã Cẩm Châu	3					3				3					2,500,000	
227	UBND xã Cẩm Long	5					5				5					5,800,000	
228	UBND xã Cẩm Thạch	4					4				4					4,700,000	
229	UBND xã Cẩm Quý	4					4				4					10,200,000	
230	UBND xã Cẩm Bình	3					6				6					5,750,000	
231	UBND xã Cẩm Phú	1					2				2					1,000,000	
232	UBND xã Cẩm Phong	23					29				29					13,980,000	
233	UBND thị trấn Cẩm Thủy	2					3				3					4,000,000	
234	UBND xã Cẩm Thành	1					2				2					1,000,000	
235	UBND xã Cẩm Liên	1					1				1					1,000,000	
236	UBND xã Cẩm Vân	13					16				16					12,500,000	
237	UBND xã Cẩm Yên	1					2				2					1,500,000	
238	UBND xã Cẩm Tú	2					3				3					4,000,000	
239	UBND xã Cẩm Sơn	5					5				5					3,000,000	
240	UBND thị xã Bim Sơn	2	-	-	1	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	25,000,000	
241	UBND phường Bắc Sơn	17	-	-	-	-	17	-	-	-	17	17	-	-	-	19,500,000	
242	UBND phường Ngọc Trạo	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	
243	UBND phường Phú Sơn	16	-	-	-	-	11	-	5	-	16	14	-	-	-	21,920,000	
244	UBND xã Quang Trung	6	-	-	-	-	3	-	-	3	6	6	-	-	-	7,900,000	
245	UBND phường Ba Đình	14	-	-	-	-	23	-	6	-	29	29	-	-	-	30,500,000	

246	UBND phường Lam Sơn	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	11,500,000	
247	UBND xã Hà Lan	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	
248	UBND xã Thượng Ninh	2	-	-	-	2	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-
249	UBND xã Thanh Sơn	4	-	-	-	4	-	-	-	-	-	4	-	-	-	4,700,000	-
250	UBND xã Tân Bình	15	-	-	-	-	3	-	-	12	15	15	-	-	-	17,800,000	-
251	UBND xã Bình Lương	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	6,750,000	-
252	UBND xã Cát Vân	9	-	-	-	-	9	-	-	9	9	9	-	-	-	9,300,000	-
253	UBND xã Thanh Phong	12	-	-	-	-	12	-	-	-	12	12	-	-	-	10,060,000	-
254	UBND xã Thanh Quân	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	16,000,000	-
255	UBND xã Thanh Hòa	16	16	-	-	-	16	-	-	-	16	-	-	-	-	3,400,000	-
256	UBND xã Thanh Xuân	28	3	-	-	-	31	-	1	-	31	31	-	-	-	31,950,000	-
257	UBND xã Xuân Hòa	5	5	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	12,800,000	-
258	UBND xã Yên Lễ	5	5	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	4,700,000	-
259	UBND xã Thanh Lâm	8	8	-	-	-	8			-	8	-				6,200,000	
260	UBND xã Cát Tân	8	-	-	-	-	10	-	-	-	8	8	-	-	-	9,500,000	-
261	UBND xã Bãi trành	47	47	-	-	-	47	-	-	-	47	-	-	-	-	24,450,000	0
262	UBND xã Xuân Bình	8	-	-	-	-	-	-	-	8	-	-	-	-	-	4,700,000	-
263	UBND xã Xuân Quý	2	2	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,800,000	-
264	UBND TT Yên Cát	8	-	-	-	-	-	-	-	8	-	-	-	-	-	16,700,000	-
265	UBND xã Tân Khang	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	1,400,000	-
266	UBND xã Tân Phúc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	5,000,000	-
267	UBND xã Trung Chính	17	-	-	-	-	16	-	1	-	17	17	-	-	-	17,900,000	-

268	UBND xã Trung Thành	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	6,500,000	-
269	UBND xã Tế Tân	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
270	UBND xã Tế Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,000,000	-
271	UBND xã Minh Khôi	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,500,000	-
272	UBND Thị Trấn Nông Cống	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
273	UBND xã Trường Trung	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
274	UBND xã Trường minh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
275	UBND xã Tượng Văn	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	12,300,000	-
276	UBND xã Tượng Lĩnh	19	-	-	-	-	19	-	-	-	19	19	-	-	-	18,300,000	-
277	UBND xã Tượng Sơn	6	1	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	8,250,000	-
278	UBND xã Thăng Long	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	700,000	-
279	UBND xã Công Liêm	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	1,500,000	-
280	UBND xã Công Chính	28	-	-	-	-	28	-	-	-	28	28	-	-	-	14,000,000	-
281	UBND xã Công Bình	7	-	-	-	-	7	-	-	-	7	7	-	-	-	4,300,000	-
282	UBND xã Vạn Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	-
283	UBND xã Vạn Hòa	15	-	-	-	-	15	-	-	-	15	15	-	-	-	15,000,000	-
284	UBND xã Vạn Thiện	9	-	-	-	-	9	-	-	-	9	9	-	-	-	-	-
285	UBND xã Hoàng Sơn	16	-	-	-	-	16	-	-	-	16	16	-	-	-	21,000,000	-
286	UBND xã Hoàng Giang	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	3,150,000	-
287	UBND huyện Nông Cống	7	-	-	1	-	6	-	-	-	7	7	-	-	-	18,000,000	-
288	UBND huyện Hậu Lộc	4	-	-	-	-	-	-	-	4	4	2	-	-	-	47,000,000	-
289	UBND Xã Châu Lộc	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	-

290	UBND Xã Đại Lộc	5	3	-	-	-	8	-	-	-	8	7	-	-	-	3,500,000	-
291	UBND Xã Đồng Lộc	9	1	-	-	-	9	-	-	-	9	9	-	-	-	10,500,000	-
292	UBND Xã Thành Lộc	32	-	-	-	-	-	-	-	32	32	13	2	17	-	26,000,000	-
293	UBND Xã Cầu Lộc	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	2	-	-	-	2,000,000	-
294	UBND Xã Phong Lộc	25	-	-	-	-	24	-	-	1	25	25	-	-	-	10,000,000	-
295	UBND Xã Văn Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
296	UBND Xã Thuần Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	-
297	UBND Xã Mỹ Lộc	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	13,000,000	-
298	UBND Xã Tiến Lộc	5	2	1	-	1	5	-	-	-	5	3	-	-	-	9,500,000	-
299	UBND Xã Lộc Tân	3	-	-	-	-	1	-	2	-	3	3	-	-	-	4,800,000	-
300	UBND Thị trấn Hậu Lộc	8	-	3	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	500,000	-
301	UBND Xã Xuân Lộc	2	-	-	-	-	2	-	-	2	2	-	-	-	-	5,500,000	-
302	UBND Xã Thịnh Lộc	5	-	-	-	-	5	-	-	2	5	5	-	-	-	5,000,000	-
303	UBND Xã Liên Lộc	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
304	UBND Xã Quang Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
305	UBND Xã Phú Lộc	6	-	-	-	-	6	-	-	-	6	6	-	-	-	12,000,000	-
306	UBND Xã Hòa Lộc	4	-	-	-	-	4	-	-	-	5	5	-	-	-	7,000,000	-
307	UBND Xã Minh Lộc	7	-	-	-	-	7	-	-	-	7	4	-	-	-	5,000,000	-
308	UBND Xã Hưng Lộc	5	5	-	-	-	7	-	3	-	10	8	-	-	-	10,500,000	-
309	UBND Xã Hải Lộc	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	15,000,000	-
310	UBND Xã Ngư Lộc	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
311	UBND Xã Đa Lộc	3	2	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	2,000,000	-

312	UBND huyện Triệu Sơn	31	-	-	2	-	16	-	13	-	31	31	-	-	-	254,250,000	-
313	UBND xã Minh Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
314	UBND xã Thọ Phú	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
315	UBND xã Xuân Thịnh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
316	UBND xã Thọ Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
317	UBND xã Thọ Ngọc	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
318	UBND xã Thọ Bình	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
319	UBND xã Xuân Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
320	UBND xã Dân Lực	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
321	UBND xã Thọ Tiến	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
322	UBND xã Thọ Vực	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
323	UBND xã Dân Lý	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	2,500,000	-
324	UBND xã Minh Châu	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
325	UBND xã Thọ Cường	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
326	UBND xã Thọ Tân	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
327	UBND xã Tân Ninh	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	3,000,000	-
328	UBND xã Thọ Thế	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
329	UBND xã Dân Quyền	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	2,500,000	-
330	UBND xã Bình Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
331	UBND xã Đồng Lợi	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,500,000	-
332	UBND xã Đồng Tiến	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
333	UBND xã Đồng Thắng	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-

334	UBND xã An Nông	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
335	UBND xã Hợp Thắng	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,500,000	-
336	UBND xã Vân Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
337	UBND xã Khuyến Nông	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
338	UBND xã Xuân Thọ	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,000,000	-
339	UBND xã Hợp Thành	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,500,000	-
340	UBND xã Minh Dân	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
341	UBND xã Thọ Dân	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	3,000,000	-
342	UBND xã Triệu Thành	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	-
343	UBND xã Thị Trấn	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	4,000,000	-
344	UBND xã Hợp Tiến	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,500,000	-
345	UBND xã Hợp Lý	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	2,000,000	-
346	UBND xã Tiến Nông	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
347	UBND xã Nông Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	-
348	UBND xã Thái Hòa	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-	1,500,000	-
349	UBND xã Hoàng Khánh	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-
350	UBND xã Hoàng Phụng	4	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	4,000,000	
351	UBND xã Hoàng Kim	10	-	-	-	-	10	-	-	-	10	8	-	-	-	82,285,000	
352	UBND xã Hoàng Trung	4	-	-	-	-	4	-	-	-	3	2	-	-	-	5,500,000	
353	UBND xã Hoàng Trinh	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,300,000	
354	UBND xã Hoàng Hợp	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	
355	UBND xã Hoàng Đạt	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2,500,000	

356	UBND xã Hoàng Đồng	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	2	1	-	-	3,000,000	
357	UBND xã Hoàng Thịnh	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
358	UBND xã Hoàng Thái	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	4,500,000	
359	UBND xã Hoàng Tân	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	4,500,000	
360	UBND xã Hoàng Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	3,000,000	
361	UBND huyện Hoảng Hóa	26	1	-	5	-	27	-	3	-	35	34	-	-	-	364,300,000	
362	UBND Xã Thanh Tân	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	7,000,000	
363	UBND Xã Thanh Kỳ	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	750,000	
364	UBND Xã Yên Thọ	10	-	-	-	-	12	-	-	-	12	12	-	-	-	11,500,000	
365	UBND Xã Xuân Thái	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	3,500,000	
366	UBND Xã Phúc Đường	1	-	-	-	-	4	-	-	-	4	4	-	-	-	4,000,000	
367	UBND Xã Hải Vân	1	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	3,200,000	
368	UBND Xã Hải Long	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	500,000	
369	UBND TT. Bến Sung	2	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	5,000,000	
370	UBND Xã Phú Nhuận	3	-	-	-	-	2	-	1	-	3	3	-	-	-	1,500,000	
371	UBND Xã Mậu Lâm	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,500,000	
372	UBND Xã Xuân Khang	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1,000,000	
373	UBND Xã Xuân Thọ	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,000,000	
374	UBND Xã Xuân Du	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	300,000	
375	UBND huyện Bá Thước	7	-	-	1	-	4	-	2	-	7	7	-	-	-	47,500,000	-
376	UBND xã Lâm Xa	2	-	-	-	-	2	-	2	-	2	2	-	-	-	4,600,000	-
377	UBND xã Hạ Trung	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	2,900,000	-

378	UBND xã Thiết Ống	3	-	-	-	-	2	-	2	-	3	3	-	-	-	5,000,000	-
379	UBND xã Lương Ngoại	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	4,000,000	-
380	UBND xã Lương Nội	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	30,600,000	-
381	UBND xã Diên Lư	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	4,200,000	-
382	UBND xã Diên Trung	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	3,000,000	-
383	UBND xã Cổ Lũng	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
384	UBND xã Lũng Niêm	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	360,000	-
385	UBND xã Diên Quang	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,026,000	-
386	UBND xã Diên Thượng	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	750,000	-
387	UBND huyện Mường Lát	1	2	-	-		1	-	-	-	1	1	-	-	-	500,000	
388	UBND thành phố Sầm Sơn	71	-	-	2	-	18	-	51	-	71	69	-	-	-	450,200,000	-
389	UBND phường Trường Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	5,000,000	-
390	UBND phường Bắc Sơn	15	-	-	-	-	7	-	8	-	15	15	-	-	-	11,100,000	-
391	UBND phường Quảng Cư	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	2,000,000	-
392	UBND xã Quảng Đại	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	1,500,000	-
393	UBND xã Quảng Hùng	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	1	-	-	-	3,500,000	-
394	UBND xã Quảng Minh	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	2	-	-	-	1,400,000	-
395	UBND huyện Yên Định	2			1		1				2	2				25,000,000	
396	UBND xã Định công	1					1				1	1	-			1,400,000	
397	UBND xã Định Tân	5				8	-				8	4	4			3,000,000	
398	UBND xã Định Tiến	2					2				2	2	-			4,600,000	
399	UBND xã Yên Tâm	12		2			12				12	12	2			9,600,000	

400	UBND xã Yên Lạc	7					7				7	7	-			11,800,000	
401	UBND xã Yên Thái	1					1				1	1	-			4,000,000	
402	UBND xã Yên Hùng	2					2				2	2	-			2,000,000	
403	UBND xã Định Tăng	2					2				2	2	-			4,150,000	
404	UBND xã Yên Bái	1		8			1				1	1	8			1,500,000	
405	UBND xã Yên Thọ	1					1				1	-	-			-	
406	UBND xã Định Hưng	1					1				1	1	-			200,000	
407	UBND xã Quí Lộc	5	1	3			5				5	5	-			6,000,000	
408	UBND xã Định Liên	1		10			1				1	1	10			3,000,000	
409	UBND xã Định Thành	3					3				3	3	-			5,000,000	
410	UBND xã Yên Giang	3					3				3	3	-			2,500,000	
411	UBND xã Định Long	9					9				9	9	-			11,500,000	
412	UBND xã Định Bình	1					1				1	1	-			400,000	
413	UBND TT Thống Nhất	5					5				5	5	-			5,000,000	
414	UBND xã Định Liên	1					1				1	1	-			3,000,000	
415	UBND xã Yên Thịnh	23					23				23	23	-			38,000,000	
416	UBND xã Yên Phong	4					4				4	4	-			1,000,000	
417	UBND xã Định Hải	1					1				1	1	-			2,000,000	
418	UBND huyện Thiệu Hóa	7	-	-	7	-	7	-	7	-	7	7	-	-	-	18,000,000	-
419	UBND xã Thiệu Ngọc	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	3,000,000	-
420	UBND xã Thiệu Tiến	2	-	-	-	-	2	-	-	-	2	1	-	-	-	2,000,000	-
421	UBND xã Thiệu Thành	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-

422	UBND xã Thiệu Công	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-
423	UBND xã Thiệu Long	5	-	-	-	-	5	-	-	-	5	5	-	-	-	9,000,000	-
424	UBND xã Thiệu Duy	13	-	-	-	-	13	-	-	-	13	13	-	-	-	16,700,000	-
425	UBND xã Thiệu Hợp	15	-	-	-	-	15	-	-	-	15	15	-	-	-	35,100,000	-
426	UBND TT Vạn Hà	6	-	-	-	-	6	-	-	-	6	6	-	-	-	6,000,000	-
427	UBND Thiệu Toán	10	-	-	-	-	10	-	-	-	10	10	-	-	-	17,200,000	-
428	UBND xã Thiệu Chính	8	-	-	-	-	8	-	-	-	8	8	-	-	-	1,600,000	-
429	UBND xã Thiệu Viên	3	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3	-	-	-	8,000,000	-
430	UBND xã Thiệu Lý	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
431	UBND xã Thiệu Đô	11	-	-	-	-	11	-	-	-	11	11	-	-	-	8,500,000	-
432	UBND Huyện Nga Sơn	40	-	-	3	-	65	-	7	-	75	75	-	-	-	131,000,000	
433	UBND Huyện Vĩnh Lộc	83	-	-	-	-	88	-	-	-	85	85	-	-	-	113,550,000	
434	UBND Huyện Quan Sơn	75	-	-	-	-	-	-	-	-	75	77	-	-	-	88,400,000	-
	Tổng cộng	5,107	132	39	281	52	3,308	-	1,578	142	5,257	4,958	39	18	-	15,820,605,000	16,540,000